

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HS-ST

Ngày: 27-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mộng Linh

Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2022/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/HSST-QĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn G, sinh năm: 1967; nơi sinh: tỉnh B; ĐKTT: 22/3 ấp H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B; nơi ở hiện nay: 34/3 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Con ông: Bùi Văn T (chết) và con bà: Lê Thị T (sống); vợ: Phạm Thị B. Bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo có 02 người con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 23 tháng 01 năm 2014, đánh bạc trái phép tại ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B nên ngày 12 tháng 02 năm 2014 bị Trưởng Công an xã H, huyện T, tỉnh B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ - XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng; đã chấp hành xong quyết định và hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1996; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: 42/1 ấp A, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Con ông: Nguyễn Anh K (sống) và con bà: Nguyễn Thị C (sống); vợ: Võ Thị Ngọc T. Bị cáo có 01 người em, bị cáo có 01 người con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

3. Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1991; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: 68/1 ấp A, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 04/12; Con ông: Nguyễn Văn Thới (sống) và con bà: Nguyễn Thị Thanh (sống); vợ: Nguyễn Thị Châm. Bị cáo có 01 người chị và 02 người em, bị cáo có 02 người con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

4. Du Hồng K2, sinh năm: 1988; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: 57/1 ấp A, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông: Du Văn T (sống) và con bà: Phạm Ngọc A (sống); bị cáo chưa có vợ. Bị cáo có 03 chị em.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa.

5. Mai Hoàng T2; sinh năm: 1991; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: 89/1 ấp A, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Con ông: Mai Văn Đ (sống) và con bà: Nguyễn Thị N (sống); vợ: Hồ Thị T. Bị cáo có 01 người chị, bị cáo có 02 người con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại tòa.

6. Võ Thị C; sinh năm: 1976; nơi sinh: tỉnh B; nơi cư trú: 25/4 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, giới tính: Nữ; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 03/12; Con ông: Võ Văn S (chết) và con bà: Trần Thị H (chết); chồng: Phạm Văn M. Bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo có 04 người con.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại tòa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Bùi Thị H2, sinh năm: 1980; địa chỉ: 23/3 ấp H, Thị trấn T, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Văn M, sinh năm: 1976; địa chỉ: 25/4 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Đặng Văn M1, sinh năm: 1971; địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Ông Hồ Văn L, sinh năm: 1960; địa chỉ: 65/2 ấp B, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Phạm Hoàng N, sinh năm: 11/5/2009; địa chỉ: 25/4 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

+ Ông Hồ Văn Đ, sinh năm: 1963; địa chỉ: 26/4 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ 20 phút ngày 08 tháng 5 năm 2021, Công an xã H, huyện T, tỉnh B bắt quả tang tại nhà bà Võ Thị C ở số 25/4, ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B, có nhiều người tụ tập đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài xỉu. Qua điều tra xác định: khoảng 17 giờ ngày 08 tháng 5 năm 2021, khi đến nhà bà Võ Thị C đánh bạc, Bùi Văn G mang theo khoảng 14.000.000 đồng và dùng để tham gia đánh bạc. G lấy bộ dụng cụ lắc tài xỉu có sẵn tại nhà bà Võ Thị C để làm nhà cái lắc cho Nguyễn Văn H1, Nguyễn Ngọc L, Du Hồng K2, Mai Hoàng T2 tham gia đặt cược. Tất cả quy ước dưới nền gạch bên phải của G là cửa “Tài”, bên trái là cửa “Xỉu”. G quy định mức đặt cược mỗi bên “Tài” hoặc “Xỉu” cao nhất là 1.000.000 đồng. Về quy tắc chơi, sau khi G lắc bộ tài xỉu để xuống nền gạch, người chơi sẽ bắt đầu đặt tiền cá cược vào bên “Tài” hoặc bên “Xỉu” rồi G sẽ mở nắp nhựa ra xem. Nếu ba mặt trên của ba hột xí ngầu cộng lại từ 11 nút trở lên là “Tài”, ai đặt “Tài” sẽ thắng số tiền tương ứng với số tiền đã đặt. Nếu ba mặt trên của ba hột xí ngầu cộng lại từ 10 nút trở xuống là “Xỉu”, ai đặt “Xỉu” sẽ thắng số tiền tương ứng với số tiền đã đặt. “Bảo Tài” là trường hợp ba hột xí ngầu có ba mặt trên có số nút giống nhau và cộng lại từ 11 nút trở lên; khi đó người làm nhà cái hòa với bên đặt cửa “Tài” và thắng bên đặt cửa “Xỉu”. “Bảo Xỉu” là trường hợp ba hột xí ngầu có ba mặt trên có số nút giống nhau và cộng lại từ 10 nút trở xuống; khi đó người làm nhà cái hòa với bên đặt cửa “Xỉu” và thắng bên đặt cửa “Tài”. G làm nhà cái lắc cho các con bạc đặt cược từ 17 giờ đến 21 giờ 20 phút ngày 08 tháng 5 năm 2021 thì bị bắt quả tang, thu trên tay của G số tiền 15.050.000 đồng. Như vậy, số tiền G dùng vào việc đánh bạc là 15.050.000 đồng, trong đó G đã thắng được 1.050.000 đồng.

Đối với Nguyễn Ngọc L: khi tham gia đánh bạc đã dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc. Khi thua hết tiền, L cầm 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 05 chỉ cho ông Bùi Văn G với số tiền 5.000.000 đồng để tiếp tục đặt cược. Sau khi thắng cược được 3.000.000 đồng, có được tổng số tiền là 8.000.000 đồng, L trả lại cho ông G 5.000.000 đồng để chuộc lại nhẫn vàng đã cầm trước đó và dùng số tiền 3.000.000 đồng còn lại tiếp tục đặt cược thì bị bắt quả tang. Như vậy, L dùng 8.000.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt quả tang, không thắng không thua và bị thu giữ số tiền 3.000.000 đồng.

Nguyễn Văn H1: khi tham gia đánh bạc mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt quả tang, H1 vẫn còn tham gia, đã thua 3.500.000 đồng, Công an xã H tạm giữ trên người H1 số tiền 500.000 đồng.

Mai Hoàng T2 mang theo 800.000 đồng, dùng 100.000 đồng để tham gia đặt cược 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng, thua hết cả 02 ván nên không tham gia đặt nữa mà ngồi xem. Tuy nhiên, lúc T2 tham gia đặt cược là lúc 19 giờ 10 phút ngày 08

tháng 5 năm 2021, khi đó có G làm cái lắc cho H1 và L đặt tiền. G mang theo khoảng 14.000.000 đồng, L mang theo 3.000.000 đồng và H1 mang theo 4.000.000 đồng để đánh bạc. Do đó, tại thời điểm T2 tham gia đặt cược, số tiền dùng vào việc đánh bạc đều trên 5.000.000 đồng.

Du Hồng K2 khi đi đến nhà bà Võ Thị C không mang theo tiền nhưng khi ngồi xem, G thấy H1 và L đặt ít tiền, có ván không chịu đặt nên nháy mắt với K2, lén lút đưa tiền cho K2 (khoảng hơn 1.000.000 đồng) để K2 đặt cược làm “mồi” để cho L và H1 đặt cược. Giữa hai người không nói gì thêm nhưng K2 hiểu ý Giáng nên lấy tiền và tham gia đặt “mồi” nhiều ván, có thắng có thua, mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, được khoảng 01 tiếng đồng hồ, K2 không tham gia đặt cược nữa và đưa tiền lại cho G. Khi đưa cũng khoảng hơn 1.000.000 đồng. Sau đó, K2 lên văng mắc ở nhà bà C nằm nghỉ. Một lúc sau thì K2 lại ngồi xem các bên đặt cược và bị bắt quả tang. Giữa K2 và G chưa thỏa thuận hay trao đổi lợi ích gì cho nhau nhưng K2 có hành động giúp sức cho G đánh bạc được thua bằng tiền và tại thời điểm K2 tham gia đặt cược, số tiền dùng vào việc đánh bạc đều trên 5.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà G, H1, L, K2, T2 dùng vào việc đánh bạc là 18.550.000 đồng.

Võ Thị C là chủ căn nhà số 25/4 ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B – nơi bị bắt quả tang. Vào thời điểm các bên tham gia đánh bạc, bà C biết rõ là lắc tài xỉu được thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý để G làm cái lắc cho các con bạc khác tham gia đặt cược mà không có hành động buộc chấm dứt việc đánh bạc tại nhà của mình sau đó còn ngồi xem đến khi bị bắt quả tang.

Vật chứng trong vụ án đã thu giữ gồm:

Tại chiếu bạc, Công an xã H đã thu giữ 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa bên ngoài có quần băng keo màu xanh dương và 03 hột xí ngầu; giữ 07 người tại hiện trường, gồm:

- Bùi Văn G: kiểm tra, thu giữ trên người số tiền 15.050.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng.

- Nguyễn Ngọc L: kiểm tra, thu giữ trên người số tiền 3.000.000 đồng, 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng.

- Mai Hoàng T2: kiểm tra, thu giữ trên người số tiền 700.000 đồng, 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng.

- Du Hồng K2: kiểm tra, thu giữ trên người 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương đã qua sử dụng.

- Nguyễn Văn H1: kiểm tra, thu giữ trên người số tiền 500.000 đồng và 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương, đã qua sử dụng.

- Võ Thị C và Hồ Văn Đ: kiểm tra trên người không phát hiện có tài sản gì nên không thu giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trao trả cho: Bùi Văn G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng; Nguyễn Ngọc L 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng; Mai Hoàng T2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng; Du Hồng K2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương đã qua sử dụng; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương, đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKS, ngày 13/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Bùi Văn G, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Ngọc L, Mai Hoàng T2, Du Hồng K2 và Võ Thị C cùng về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn G từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Du Hồng K2 từ 35.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị C từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Hoàng T2 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc: 18.550.000 đồng;

- Hoàn trả cho bị cáo Mai Hoàng T2 số tiền 700.000 đồng. Do số tiền này không dùng vào việc phạm tội;

- Tịch thu tiêu hủy bộ dụng cụ lắc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa bên ngoài có quần băng keo màu xanh dương, 03 hột xí ngầu.

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho: Bùi Văn G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng; Nguyễn

Ngọc L 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng; Mai Hoàng T2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng; Du Hồng K2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương đã qua sử dụng; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương, đã qua sử dụng. Do những đồ vật trên không dùng vào mục đích phạm tội, không liên quan đến vụ án và các chủ sở hữu hợp pháp xin nhận lại.

Ông Phạm Văn M (chồng bị cáo Võ Thị C) do bận đi làm không có mặt ở nhà từ lúc các đối tượng tiến hành đánh bạc với nhau. Khi đi làm về thì nhìn thấy có sự việc đánh bạc được thua bằng tiền đang diễn ra tại nhà của mình, ông M đã nói không đồng ý và giao quyền quản lý nhà cho Võ Thị C yêu cầu Võ Thị C đuổi các con bạc đi không cho đánh bạc tại nhà của mình. Sau đó, ông M bận việc ở sau nhà, nghĩ là bà C đã đuổi đi nên không đi lên kiểm tra nữa. Đến khi lực lượng Công an đến bắt quả tang ông M mới hay là còn đánh bạc ở trước nhà. Do đó, ông M đã phản đối và không giúp sức cho các con bạc đánh bạc với nhau nên không đồng phạm với các bị cáo khác về Tội đánh bạc.

Ông Hồ Văn Đ chỉ đến xem, không tham gia đặt cược và cũng không có bất cứ hành vi gì hỗ trợ, giúp sức cho việc đánh bạc nên không phạm tội.

Tại phiên tòa đã làm rõ được các nội dung sau:

1. Tất cả các bị cáo đều khai nhận: bị cáo T2 là người đến nhà bị cáo C và vào tham gia đánh bạc sau cùng, khi T2 vào tham gia đánh bạc bị cáo K2 vẫn còn tham gia cùng đánh bạc đối với các bị cáo khác.

2. Các bị cáo G, H1, L, K2, T2 đều khai nhận: bị cáo C có ngồi xem các các bị cáo chơi đánh bạc với nhau, có mặt tại chiếu bạc khi Công an bắt quả tang và bị cáo C không có thái độ, lời nói hay hành vi gì để xua đuổi các bị cáo, đèn điện trong nhà vẫn bật sáng để các bị cáo tiếp tục đánh bạc. Riêng chỉ có ông Phạm Văn M khi đi làm về thì có nói là không đồng ý cho các bị cáo đánh bạc rồi đi vào nhà sau và không trở lên khu vực các bị cáo đang chơi đánh bạc cho đến khi Công an vào bắt quả tang.

3. Bị cáo G khai khi bị cáo C đi đám giỗ về đến nhà (địa điểm các bị cáo lặt tài xỉu) thì hành vi đánh bạc đang diễn ra, bà C có cho bị cáo trái cây để vừa nhậu vừa chơi lặt tài xỉu, bị cáo G nhậu với ông Hồ Văn Đ. Đối với bộ dụng cụ lặt tài xỉu có ở nhà của bà C sẵn trước đó.

4. Bị cáo C khai: bị cáo có cho ông G trái cây để nhậu, nước trà thì có sẵn các bị cáo tự sử dụng, bộ dụng cụ lặt tài xỉu là của con ông G mang sang để ở nhà bị cáo C từ rất lâu trước đó để chơi với con của bị cáo (trẻ con chơi ăn kẹo, búng tai). Bị cáo thừa nhận bộ dụng cụ lặt tài xỉu này thuộc quyền sở hữu, quản lý của bị cáo. Thời điểm các bị cáo khác lặt tài xỉu tại nhà bị cáo thì chồng bị cáo là ông Phạm Văn M đi làm hồ xây dựng không có nhà, trách nhiệm quản nhà là của bị cáo. Khi ông M đi làm về đã không đồng ý cho lặt tài xỉu tại nhà và yêu cầu bị cáo xua đuổi, bị cáo có kêu các bị cáo khác nghỉ nhưng không biết các bị cáo khác có nghe hay không, bị cáo có ngồi xem nhưng không xuyên suốt quá trình các con bạc chơi lặt

tài xỉu. Tuy nhiên các bị cáo G, H1, L, K2, T2 đều phủ nhận hoàn toàn lời khai này của bị cáo C.

5. Không chứng M1 được việc bị cáo C có nhận cầm cổ xe gắn máy của bị cáo H1, không chứng M1 được bị cáo G có nhận cầm cổ nhẫn vàng của L với số tiền 5.000.000 đồng mà G chỉ thừa nhận có đưa cho L mượn 5.000.000 đồng không có lấy lãi và L đã trả lại cho G tại chiếu bạc số tiền này.

Tất các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật.

Đồng thời, các bị cáo có lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, các chứng cứ, đồ vật, tài liệu, dữ liệu điện tử và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 08 tháng 5 năm 2021, tại nhà số 25/4 của bà Võ Thị C, ở ấp Q, xã H, huyện T, tỉnh B, Bùi Văn G là nhà cái lặc tài xỉu được thua bằng tiền cho Nguyễn Văn H1, Nguyễn Ngọc L, Mai Hoàng T2 tham gia đặt cược. Du Hồng K2 nhận từ Bùi Văn G số tiền khoảng 1.000.000 đồng để giúp Bùi Văn G đặt “môi” cho các con bạc khác tham gia đặt cược. Tổng số tiền dùng để đánh bạc là 18.550.000 đồng. Đến 21 giờ 20 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt quả tang.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Hội đồng xét xử nhận thấy trong vụ án này các bị cáo là đồng phạm giản đơn, phạm tội không thuộc trường hợp có tổ chức.

[3.1] Bị cáo Bùi Văn G là người dùng số tiền khoảng 14.000.000 đồng để làm nhà cái lặc tài xỉu cho các con bạc khác đặt cược, là người đưa cho L mượn thêm 5.000.000 đồng để L tiếp tục đặt cược khi đã thua hết tiền mang theo. Tại thời điểm bắt quả tang, thu của bị cáo G nhiều tiền nhất (15.050.000 đồng).

[3.2] Nguyễn Ngọc L: dùng 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi thua hết tiền mang theo, bị cáo L có mượn thêm giá 5.000.000 đồng để tiếp tục đặt cược. Như

vậy, bị cáo L dùng 8.000.000 đồng để tham gia đặt cược. Khi bị bắt quả tang, thu của bị cáo số tiền 3.000.000 đồng.

[3.3] Nguyễn Văn H1: dùng 4.000.000 đồng để tham gia đặt cược, đến khi bị bắt quả tang thua 3.500.000 đồng, thu của bị cáo H1 500.000 đồng còn lại.

[3.4] Du Hồng K2: nhận từ bị cáo G khoảng hơn 1.000.000 đồng để giúp G đặt “mồi” cho L và H1 đặt cược, sau đó không đặt nữa và đưa tiền trả lại cho G.

[3.5] Mai Hoàng T2 dùng 100.000 đồng để tham gia đặt cược, thua hết 100.000 đồng.

[3.6] Võ Thị C: là người quản lý trực tiếp, xuyên suốt ngôi nhà – nơi các bị cáo chơi đánh bạc bị bắt quả tang. Vào thời điểm các bên tham gia đánh bạc, bà C biết rõ là lắt tài xỉu được thua bằng tiền nhưng vẫn đồng ý để G làm cái lắt cho các con bạc khác tham gia đặt cược mà không có hành động buộc chấm dứt việc đánh bạc tại nhà của mình sau đó còn ngồi xem đến khi bị bắt quả tang. Bị cáo C có hành vi cho mượn địa điểm để các bị cáo khác đánh bạc được thua bằng tiền, đồng ý để các bị cáo sử dụng bộ dụng cụ lắt tài xỉu thuộc quyền quản lý của bị cáo để các bị cáo đánh bạc với nhau, đèn điện trong nhà vẫn mở xuyên suốt, cung cấp nước, trái cây, bánh để phục vụ cho việc đánh bạc. Tức, bị cáo C đã có hành vi gá bạc nhưng không thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều 322 Bộ luật Hình sự nên bị xem là đồng phạm giúp sức với các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”.

Do đó hành vi của bị cáo Bùi Văn G, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Ngọc L, Mai Hoàng T2, Du Hồng K2 và Võ Thị C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, nên bản Cáo trạng 43/CT-VKS ngày 13/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây hoang mang, bất bình trong đời sống của nhân dân tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo ý thức được đánh bạc là một tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện nhằm sát phạt chiếm đoạt tiền của nhau. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thuộc nhóm tội phạm xâm phạm trật tự công cộng, được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Du Hồng K2 và Mai Hoàng T2 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt: khi lượng hình cho các bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy cần phân hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau: Đối với bị cáo G có vai trò tích cực, dùng nhiều tiền để đánh bạc nhất, là người khởi xướng việc đánh bạc; ngoài ra bị cáo G tuy không có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân xấu, từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép nên phải là người chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án và cần xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Tiếp đến là các bị cáo L, H1 và K2 có tính chất và mức độ tham gia phạm tội như nhau nên chịu trách nhiệm hình sự bằng nhau. Đối với bị cáo C đã có hành vi giúp sức tích cực cho các bị cáo khác đánh bạc nên phải chịu trách nhiệm hình sự ngang bằng với các bị cáo L, H1 và K2; người chịu trách nhiệm hình sự nhẹ nhất trong vụ án là bị cáo T2 được do số tiền dùng vào việc đánh bạc là thấp nhất. Mặc khác các bị cáo H1, L, K2, C, T2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; đồng thời xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc chưa đến 20.000.000 đồng (cụ thể là 18.550.000 đồng). Do đó, xét thấy cần xem xét áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ sức răn đe đối với các bị cáo và đảm bảo tính nghiêm M1 của pháp luật.

[8] Về áp dụng các biện pháp tư pháp: như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên xem xét ghi nhận.

[9] Ông Phạm Văn M (chồng bị cáo Võ Thị C) do bận đi làm không có mặt ở nhà từ lúc các đối tượng tiến hành đánh bạc với nhau. Khi đi làm về thì nhìn thấy có sự việc đánh bạc được thua bằng tiền đang diễn ra tại nhà của mình, ông M đã nói không đồng ý và giao quyền quản lý nhà cho Võ Thị C yêu cầu Võ Thị C đuổi các con bạc đi không cho đánh bạc tại nhà của mình. Sau đó, ông M bận việc ở sau nhà, nghĩ là bà C đã đuổi đi nên không đi lên kiểm tra nữa. Đến khi lực lượng Công an đến bắt quả tang ông M mới hay là còn đánh bạc ở trước nhà. Do đó, ông M đã phản đối và không giúp sức cho các con bạc đánh bạc với nhau nên không đồng phạm với các bị cáo khác về Tội đánh bạc.

Ông Hồ Văn Đ chỉ đến xem, không tham gia đặt cược và cũng không có bất cứ hành vi gì hỗ trợ, giúp sức cho việc đánh bạc nên không phạm tội.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn G phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 55.0000.000 đồng.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H1 phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 35.0000.000 đồng.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc L phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 35.0000.000 đồng.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Du Hồng K2 phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 35.0000.000 đồng.

1.5 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Võ Thị C phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 35.0000.000 đồng.

1.6 Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, 35, 58 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố bị cáo Mai Hoàng T2 phạm tội “*Đánh bạc*”, xử phạt bị cáo 20.0000.000 đồng.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc 18.550.000 đồng được khấu trừ vào Biên L thu số 0001695 ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án huyện T, số tiền 700.000 đồng còn lại hoàn trả cho bị cáo Mai Hoàng T2;

- Tịch thu tiêu hủy bộ dụng cụ lắc tài xỉu gồm: 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa bên ngoài có quần băng keo màu xanh dương, 03 hột xí ngầu. Đồng thời ghi nhận việc Cơ quan điều tra đã trao trả cho: Bùi Văn G 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng; Nguyễn Ngọc L 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu đen đã qua sử dụng; Mai Hoàng T2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng; Du Hồng K2 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương đã qua sử dụng; Nguyễn Văn H1 01 điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu NOKIA màu xanh dương, đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên đang được tạm gửi tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T theo Quyết định chuyển vật chứng số 34/QĐ-VKS ngày 13 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 8 năm 2022.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện KSND huyện T;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung